b) Ở các Bộ chủ quản xí nghiệp, thành lập « Ủy ban kiểm kê của Bộ » chịu trách nhiệm trực tiếp nắm công việc kiểm kê tài sản, xét định vốn của các xí nghiệp quốc doanh thuộc Bộ.

c) Ở các đơn vị xí nghiệp quốc doanh cơ sở, thành lập « Ủy ban kiểm kê đơn vị » để làm công việc kiểm kê tài sản, xét định vốn của đơn vị.

Ủy ban kiểm kê toàn quốc chịu trách nhiệm ấn định và xét duyệt các thể lệ và mẫu bảng về kiểm kê tài sản, xét định vốn, đồng thời lãnh đạo Ủy ban kiểm kê các cấp.

3) Khi kiểm kê đánh giá tài sản, thì tài sản cố định và tài sản lưu động của xí nghiệp quốc doanh toàn quốc đều phải kiểm kê, đăng ký lại và đánh giá lại theo giá tiền Ngân hàng.

Khi kiểm kê đánh giá tài sản, mà số lượng toàn bộ tài sản đã kiểm kê được chính xác, giá trị trên sổ sách cũ và tiêu chuẩn đánh giá lại đúng và phù hợp với nguyên tắc của « thể lệ kiểm kê và đánh giá tài sản của xí nghiệp quốc doanh » do Ủy ban kiểm kê toàn quốc công bố, thì chỉ cần xét lại, sửa cho đúng, đăng ký lại theo mẫu quy định và làm bản kê khai gửi cho Ủy ban kiểm kê từng cấp một xét duyệt và tổng hợp gửi lên Ủy ban kiểm kê toàn quốc.

Nếu khi kiểm kê đánh giá tài sản, mà số lượng tài sản vẫn không đúng, thì phải kiểm kê và sửa lại.

Nếu khi kiểm kê đánh giá tài sản, mà giá trị trên sổ sách cũ và tiêu chuẩn đánh giá phần lớn hoặc có phần nào không phù hợp với nguyên tắc « thể lệ kiểm kê và đánh giá tài sản của xí nghiệp quốc doanh », thì phải đánh giá lại và chỉnh lý toàn bộ hay một phần tài sản đó cho đúng.

4) Vốn lưu động cần thiết phải có của xí nghiệp quốc doanh toàn quốc, đều phải được xét định căn cứ theo nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước đã giao cho trong năm 1957, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước với số vật tư và số vốn tối thiểu bằng tiền.

Tài sản cố định cần phải có của các xí nghiệp quốc doanh do Ủy ban kiểm kê các cấp xét và tổng hợp theo mẫu bảng báo cáo quy định (mẫu bảng này do Ủy ban kiểm kê toàn quốc ấn định hoặc đã xét duyệt), rồi qua từng cấp một gửi lên Ủy ban kiểm kê toàn quốc xét duyệt.

Về vốn lưu động của xí nghiệp quốc doanh thì phải căn cứ vào các quá trình sản xuất, cung cấp, tiêu thụ trong điều kiện bảo đảm kế hoạch sản xuất, để ấn định cho chính xác mức luân chuyển bình thường, tỷ lệ luân chuyển và số vốn lưu động tự có cần thiết tối thiểu, rồi gửi cùng với bảng tổng kết tài sản cho Ủy ban kiểm kê từng cấp một xét duyệt, tổng hợp và ghi nhận xét, gửi lên Ủy ban kiểm kê toàn quốc để xét định lần cuối cùng số vốn lưu động của xí nghiệp.

5) Công tác kiểm kê, đánh giá tài sản và xét định vốn trong toàn quốc sẽ bắt đầu làm từ ngày 1-6-1957 ở các xí nghiệp cơ sở và phải kết thúc toàn bộ trước ngày 30-10-1957.

Vậy từ nay đến cuối tháng 5 năm 1957, từ các Bộ ở trung ương đến các xí nghiệp cơ sở đều phải làm xong công việc chuẩn bị tư tưởng, chuẩn bị tổ chức và chuẩn bị điều lệ, chế độ, mẫu bảng kiểm kê đánh giá và xét định vốn.

Công tác kiểm kê đánh giá tài sản và xét định vốn là một công việc rất quan trọng nhưng cũng rất khó khăn, phức tạp.

Các ngành, các cấp cần hết sức chú trọng lãnh đạo thực hiện công tác này cho tốt và đúng thời hạn, kiểm kê được triệt để, đánh giá được sát thực, xét định vốn được chính xác, — cần phải tập trung lực lượng lãnh đạo, phát động tư tưởng quần chúng công nhân và cán bộ kỹ thuật, tổ chức công tác của những người chuyên trách, chấp hành đúng chế độ báo cáo thỉnh thị.

6) Đối với các xí nghiệp quốc doanh địa phương, có thể tùy điều kiện cụ thể từng nơi, mà cũng tiến hành việc kiểm kê đánh giá tài sản, xét định vốn trong năm 1957, Ủy ban kiểm kê toàn quốc sẽ quyết định cụ thể sau, và sẽ có trách nhiệm giúp đỡ, hướng dẫn, lãnh đạo công tác đó ở những nơi nào cần làm ngay và có thể làm được.

Hà-nội ngày 8 tháng 4 năm 1957

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM-VĂN-ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 142-TTg ngày 8-4-1957 quy định lại tổ chức, nhiệm vụ của các cơ quan thống kê các cấp, các ngành.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ bản điều lệ số 695-TTg ngày 20 tháng 2 năm 1956 tổ chức các cơ quan thống kê các cấp và các ngành;

Theo đề nghị của ông Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước;

Theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay quy định lại tổ chức, nhiệm vụ của các cơ quan thống kê các cấp, các ngành như sau:

Chương I

TỔ CHỨC THỐNG KÊ

Điều 2. — Bộ máy thống kê các cấp, các ngành gồm có :

1) Cục Thống kê trung ương (trong Ủy ban kế hoạch Nhà nước).

2) Các Chi Cục Thống kê liên khu, khu, thành phố, tỉnh.

3) Phòng Thống kê huyện, châu.

4) Ban Thống kê xã.

5) Các tổ chức thống kê của các Bộ, các ngành trung ương, và các cơ quan, xí nghiệp trực thuộc.

Chương II

CỤC THỐNG KÊ TRUNG ƯƠNG

Điều 3. — Cục Thống kê trung ương là một cơ quan của Nhà nước phụ trách lãnh đạo thống nhất và tập trung mọi việc thống kê về kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội trong cả nước.

Điều 4. — Nhiệm vụ chủ yếu của Cục Thống kê trung ương là sưu tầm, chỉnh lý, nghiên cứu, phân tích những tài liệu điều tra thống kê cơ bản về các ngành kinh tế quốc dân, văn hóa, xã hội, rồi đệ trình Ủy ban kế hoạch Nhà nước và Chính phủ để làm căn cứ hoặc tài liệu tham khảo để xác định chính sách, kiểm tra chính sách, lập kế hoạch và kiểm tra kế hoạch.

Nhiệm vụ cụ thể của Cục Thống kê trung ương là :

1) Tổ chức và lãnh đạo công tác điều tra thống kê của các địa phương và các ngành trong cả nước ; học tập kinh nghiệm thống kê tiền tiến của các nước xã hội chủ nghĩa, kết hợp mật thiết với tình hình thực tế trong nước, xây dựng các chế độ điều tra thống kê cần thiết ; lập và thẩm tra, phê chuẩn các loại biểu mẫu điều tra thống kê ; không ngừng cải tiến phương pháp điều tra thống kê.

2) Kiểm tra một cách có hệ thống việc thi hành kế hoạch Nhà nước dựa trên những báo cáo đã quy định, dựa trên các công tác điều tra và các tài liệu thống kê khác.

3) Điều tra thống kê một cách có hệ thống các nguồn tài nguyên vật chất của nước nhà và kiểm tra tình hình sử dụng các tài nguyên đó.

4) Khi cần thiết, đề nghị và tiến hành các cuộc phổ tra về nông nghiệp, công nghiệp, nhân khẩu v.v... sau khi được Phủ Thủ tướng đồng ý.

5) Thường xuyên kiểm tra tính chất chính xác, kịp thời và tính chất toàn diện của những báo cáo thống kê của các ngành, các xí nghiệp và các địa phương, phát huy kinh nghiệm tiền tiến trong công tác thống kê, khắc phục hiện tượng phát hành lung tung biểu mẫu điều tra thống kê.

6) Đào tạo, huấn luyện cán bộ thống kê.

Điều 5.— Cục Thống kê trung ương có quyền :

1) Trực tiếp ra chỉ thị, thông tư cho các cơ quan thống kê địa phương.

2) Gửi chỉ thị, thông tư cho các tổ chức thống kê của các Bộ, các ngành nghiệp vụ, các cơ quan, xí nghiệp qua ông Thủ trưởng các Bộ, các ngành, các cơ quan, các xí nghiệp đó. Các chỉ thị, thông tư đó phải được chấp hành nghiêm chỉnh.

3) Yêu cầu các Bộ, các ngành trung ương, các cơ quan, xí nghiệp thuộc các Bộ, các ngành đó gửi các tài liệu điều tra thống kê theo chế độ đã quy định. Thủ trưởng các ngành, các đơn vị và các xí nghiệp có nhiệm vụ cung cấp những tài liệu đó phải chịu trách nhiệm về sự chính xác của các tài liệu gửi đi.

Ngoài những báo cáo về số liệu, Cục Thống kê trung ương có quyền yêu cầu các Bộ, các ngành trung ương gửi đến những bản phân tích bằng lời văn.

Khi cần thiết, Cục Thống kê trung ương có quyền yêu cầu các Bộ cử cán bộ đến trình bày về những vấn đề đã được phản ảnh trong biểu báo cáo thống kê.

Cục Thống kê trung ương có quyền bác bỏ những báo cáo thống kê không chính xác, không hợp lệ và yêu cầu báo cáo lại.

4) Tới kiểm tra công tác thống kê của các địa phương, các Bộ, các ngành nghiệp vụ ở trung ương và các cơ quan, các xí nghiệp trực thuộc. Thủ trưởng các đơn vị đó phải hết sức giúp đỡ trong việc này.

5) Triệu tập các cuộc hội nghị thống kê.

Điều 6. — Cục Thống kê trung ương tạm thời gồm có các Phòng :

1. — *Phòng Tổng hợp thống kê :* phụ trách tổng hợp tình hình thống kê về mọi mặt, làm báo cáo tổng hợp về tình hình phát triển kinh tế, tổ chức việc tính sản phẩm xã hội, tính thu nhập quốc dân và lập biểu cân đối kinh tế quốc dân ; tổ chức các phòng có liên quan xây dựng biểu mẫu thống kê, cải tiến công tác thống kê và kiểm tra tình hình thi hành chế độ công tác thống kê trong cả nước ; theo dõi tình hình phát triển của bộ máy thống kê địa phương và công tác đào tạo huấn luyện cán bộ thống kê ; tổ chức xuất bản những tập san, niên báo và công báo thống kê.

2. — *Phòng Thống kê nông nghiệp :* phụ trách công tác thống kê về nông nghiệp, bao gồm việc

thống kê về trồng cây (kể cả gây rừng), chăn nuôi (kể cả nuôi ong, nuôi cá, nuôi gia súc), về thủy lợi chống lụt, chống hạn, và tình hình phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

3. — *Phòng thống kê công nghiệp:* phụ trách công tác thống kê công nghiệp (gồm tất cả các loại công nghiệp trong nước), và thủ công nghiệp, vận tải, bưu điện, cung cấp vật tư.

4. — *Phòng thống kê xây dựng cơ bản* phụ trách công tác thống kê về xây dựng cơ bản thuộc các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, tài chính, ngân hàng, giao thông bưu điện, văn hóa, y tế, giáo dục và của việc xây dựng thành phố do Nhà nước và địa phương đầu tư.

5. — *Phòng thống kê thương nghiệp, tài chính:* phụ trách thống kê thương nghiệp (kể cả nội thương và ngoại thương), tài chính, tiền tệ, tín dụng, tình hình hoạt động của các hợp tác xã mua bán, và hợp tác xã tiêu thụ.

6. — *Phòng thống kê văn hóa, giáo dục, y tế, dân số, lao động:* phụ trách công tác thống kê về đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, về tình hình dân số, về việc phân phối và sử dụng nhân công, về tiền lương và năng suất lao động.

Điều 7. — Cục Thống kê trung ương do một Cục trưởng và một hoặc hai Phó Cục trưởng điều khiển. Các phòng do Trưởng phòng và Phó trưởng phòng điều khiển.

Chương III

BỘ MÁY THỐNG KÊ Ở ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. — Cơ quan thống kê ở các địa phương là một cơ quan chuyên môn của Ủy ban Hành chính địa phương chịu sự lãnh đạo chung và trực tiếp của Ủy ban Hành chính, đồng thời chịu sự lãnh đạo của cơ quan thống kê cấp trên về mặt nghiệp vụ.

Chi Cục trưởng và Chi Cục phó Chi Cục thống kê khu, thành phố, tỉnh do nghị định của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước bổ nhiệm theo đề nghị của Ủy ban Hành chính liên khu, khu, thành phố, tỉnh.

Trưởng phòng thống kê huyện do Ủy ban Hành chính liên khu, khu, thành phố trực thuộc bổ nhiệm theo đề nghị của Ủy ban Hành chính tỉnh.

Trưởng ban thống kê xã do Ủy ban Hành chính thành phố, tỉnh công nhận theo đề nghị của Ủy ban Hành chính huyện.

Điều 9. — Để cho công tác thống kê tiến hành được dễ dàng vừa có thể phục vụ được nhu cầu của Nhà nước và nhu cầu của địa phương, quyền hạn và nhiệm vụ lãnh đạo của Ủy ban Hành chính ở các địa phương đối với bộ máy thống kê ở địa phương quy định như sau:

1) Ủy ban Hành chính khu, tỉnh, thành phố, có nhiệm vụ xây dựng và kiện toàn bộ máy thống kê ở địa phương, thực sự lãnh đạo công tác thống kê ở các địa phương đó (kể cả về mặt chính trị, tổ chức cán bộ, hành chính, kinh phí), và hoàn thành các nhiệm vụ điều tra thống kê Nhà nước do Phủ Thủ tướng hoặc Cục Thống kê trung ương giao cho địa phương mình.

2) Với điều kiện là bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ điều tra thống kê của Nhà nước, Ủy ban Hành chính các liên khu, khu, thành phố, tỉnh có thể tùy theo nhu cầu và khả năng mà tổ chức một số công tác điều tra thống kê có tính chất địa phương, nhưng không được trùng hoặc trái với những nhiệm vụ điều tra thống kê của Nhà nước.

3) Để cho bộ máy thống kê ở các địa phương có thể kiểm tra được tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Hành chính các địa phương cần truyền đạt hoặc sao gửi những tài liệu có liên quan về kế hoạch Nhà nước ở địa phương cho bộ máy thống kê ở nơi đó, đồng thời làm cho công tác thống kê và công tác kế hoạch phối hợp mật thiết với nhau.

4) Để bảo đảm công tác chuyên môn và để cho cán bộ thống kê được đi sâu vào nghiệp vụ, Ủy ban Hành chính các cấp không được tự ý điều động cán bộ thống kê đi làm các công tác khác.

Điều 10. — Nhiệm vụ và quyền hạn của Chi cục Thống kê khu, thành phố, tỉnh:

1) Sưu tầm, thu thập, chỉnh lý những tài liệu điều tra thống kê cơ bản về các ngành kinh tế quốc dân và văn hóa xã hội ở địa phương mình; kiểm tra một cách có hệ thống tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước trong địa phương mình; cung cấp tài liệu cho Cục Thống kê trung ương, Ủy ban Hành chính và Ủy ban Kế hoạch địa phương theo chế độ đã quy định.

2) Ngoài việc bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ điều tra thống kê do Cục Thống kê trung ương quy định ra, còn phải tích cực thực hiện những nhiệm vụ điều tra thống kê có tính chất địa phương có liên quan do Ủy ban Hành chính địa phương đề ra.

3) Chỉ đạo các tổ chức thống kê thuộc các ngành nghiệp vụ có liên quan, tiến hành công tác điều tra thống kê; giúp đỡ các ngành, các cơ quan, các xí nghiệp cải tiến công tác thống kê, lãnh đạo cơ quan thống kê cấp dưới; kiểm tra việc thi hành chế độ công tác thống kê đã được Cục Thống kê trung ương quy định; khắc phục tình trạng ban hành biểu mẫu một cách lung tung.

4) Thẩm tra tính chất chính xác của những báo cáo thống kê của các ngành nghiệp vụ, có quyền bác bỏ những báo cáo không chính xác và yêu cầu báo cáo lại; ngoài những báo cáo số liệu, có quyền yêu cầu các ngành gửi đến những bản phân tích bằng lời văn.

Điều 11. — Nhiệm vụ và quyền hạn của phòng thống kê huyện, châu:

1) Thi hành nhiệm vụ công tác và kế hoạch công tác do cơ quan thống kê cấp trên đề ra, tổ chức một cách cụ thể công việc điều tra thống kê, thông qua Ủy ban Hành chính huyện hoặc châu để gửi báo cáo và các tài liệu thống kê cho Chi Cục thống kê tỉnh (hoặc Chi Cục thống kê khu, thành phố) theo chế độ đã quy định.

2) Sưu tầm, thu thập và chỉnh lý những tài liệu điều tra thống kê cơ bản về các ngành kinh tế quốc dân, văn hóa, xã hội trong địa phương mình (chủ yếu là những tài liệu về nông nghiệp); thông qua số liệu thống kê, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước trong địa phương; cung cấp tài liệu cho Ủy ban Hành chính và Ủy ban Kế hoạch ở địa phương đó.

3) Lãnh đạo và kiểm tra công tác thống kê của Ban Thống kê xã, thẩm tra tính chất chính xác của những báo cáo thống kê do xã gửi lên.

Điều 12. — Nhiệm vụ của Ban Thống kê xã:

1) Thực hiện nhiệm vụ điều tra thống kê do cơ quan thống kê cấp trên quy định, thông qua Ủy ban Hành chính xã để gửi báo cáo và các tài liệu điều tra thống kê cho phòng thống kê huyện, châu theo chế độ đã quy định.

2) Sưu tầm, thu thập và chỉnh lý các tài liệu cơ bản về tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội trong xã (chủ yếu là những tài liệu về nông nghiệp); theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước trong xã, cung cấp tài liệu điều tra thống kê cho Ủy ban Hành chính xã.

Chương IV

BỘ MÁY THỐNG KÊ CỦA CÁC BỘ, CÁC NGÀNH NGHIỆP VỤ

Điều 13. — Để tiện cho việc tổ chức, lãnh đạo một cách tập trung và thống nhất đối với công tác thống kê về các mặt của ngành mình, nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu của công tác kế hoạch và công tác lãnh đạo, các Bộ các ngành ở trung ương, cơ quan nghiệp vụ thuộc Bộ và các xí nghiệp đều phải thành lập bộ máy thống kê thích đáng. Hệ thống thống kê này do các Bộ, các ngành quy định sau khi có sự tham gia ý kiến của Cục Thống kê trung ương. Các tổ chức thống kê ấy phải bảo đảm giúp Bộ lãnh đạo mọi công tác thống kê của ngành mình một cách thống nhất và tập trung.

Chương V

QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 14. — Quan hệ giữa công tác thống kê và công tác kế hoạch:

Thống kê là cơ sở của kế hoạch, kế hoạch cần phải dựa vào thống kê, cả hai mặt đều phải phối hợp chặt chẽ với nhau. Vì vậy ý nghĩa, phương pháp tính và phương pháp phân loại của chỉ tiêu kế hoạch và chỉ tiêu thống kê phải nhất trí với nhau.

Điều 15. — Quan hệ giữa công tác kế toán và công tác thống kê:

Kế toán là cơ sở của thống kê, ngành kế toán có trách nhiệm cung cấp những tài liệu kế toán có liên quan và cần thiết cho ngành thống kê:

Để công tác kế toán và công tác thống kê kết hợp mật thiết với nhau tổ chức thành chế độ hạch toán kinh tế quốc dân thống nhất, tất cả những biểu mẫu tổng kết hàng năm và chế độ kế toán tài vụ do Bộ Tài chính ban hành phải được sự đồng ý của Cục Thống kê trung ương.

Điều 16. — Để bảo đảm tính chất thống nhất và nghiêm túc của công tác thống kê, tất cả những biểu mẫu điều tra thống kê cơ bản cần cho việc lập và kiểm tra kế hoạch Nhà nước, đều do Cục Thống kê trung ương lập và cho thi hành, nếu trong đó có những phần đặc biệt quan trọng thì phải được Phủ Thủ tướng phê chuẩn mới được thi hành.

Điều 17. — Tất cả những biểu mẫu thống kê, phương án điều tra và phương pháp tính do Cục Thống kê trung ương lập và cho thi hành, hoặc được Phủ Thủ tướng phê chuẩn, thì không địa phương nào, không ngành nào hoặc đơn vị nào được tự tiện sửa chữa mà phải thi hành nghiêm chỉnh theo như chế độ đã quy định. Nếu phát hiện có chỗ quy định không phù hợp với tình hình thực tế, phải đề ý kiến lên Cục Thống kê trung ương thẩm tra và sửa chữa.

Điều 18. — Những biểu mẫu thống kê nghiệp vụ dùng trong nội bộ các Bộ, trong bộ máy quản lý nghiệp vụ thuộc các Bộ do bộ phận thống kê của Bộ hoặc của ngành hay đơn vị sở quan lập, được Thủ trưởng ngành hay đơn vị đó phê chuẩn, và được Cục Thống kê trung ương thông qua mới được ban hành.

Các Bộ và những đơn vị nghiệp vụ thuộc các Bộ không được lập và ban hành những biểu mẫu điều tra thống kê cho các đoàn thể quần chúng, đoàn thể xã hội nằm ở ngoài hệ thống của mình hoặc cho các xí nghiệp, đơn vị hành chính thuộc hệ thống khác. Nếu cần thiết thì phải được Cục

Thống kê trung ương (hoặc Chi Cục thống kê khu, thành phố, tỉnh) xét duyệt, nếu trong đó có điểm đặc biệt quan trọng thì phải được Phủ Thủ tướng (hoặc Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh) phê chuẩn mới được ban hành.

Điều 19. — Những biểu mẫu điều tra thống kê có tính chất địa phương do Chi Cục Thống kê khu, thành phố, tỉnh lập và phải được Ủy ban Hành chính địa phương phê chuẩn mới được thi hành và gửi lên Cục Thống kê để tường việc. Những cơ quan, đơn vị, đoàn thể dưới cấp tỉnh, thành phố không có quyền lập và cho thi hành biểu mẫu điều tra thống kê.

Điều 20. — Để bảo đảm tính chất thống nhất, chính xác của số liệu thống kê, đồng thời bảo đảm bí mật quốc gia, các Bộ, các ngành ở trung ương và Ủy ban Hành chính liên khu, khu, thành phố, tỉnh muốn công khai đăng trên báo chí những số liệu thống kê toàn diện về việc thực hiện kế hoạch Nhà nước phải được Cục Thống kê trung ương đồng ý. Nếu trong đó có điểm đặc biệt quan trọng phải được Phủ Thủ tướng phê chuẩn.

Điều 21. — Trong khi thi hành nghị định này, Cục Thống kê trung ương sẽ tùy tình hình thực tế mà quy định một số vấn đề cụ thể sau khi được Ủy ban kế hoạch Nhà nước đồng ý.

Điều 22. — Nay bãi bỏ bản điều lệ số 695-TTg ngày 20-2-1956 quy định tổ chức Cục Thống kê trung ương, các cơ quan thống kê địa phương và các tổ chức thống kê các Bộ.

Điều 23. — Các ông Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban Hành chính liên khu, khu, thành phố, tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 8 tháng 4 năm 1957
K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHAN-KẾ-TOẠI

NGHỊ ĐỊNH số 143-TTg ngày 8-4-1957 đặt tỉnh Hải-ninh dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ trung ương.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ sắc lệnh số 268-SL ngày 1-7-1956 thành lập Khu Tự trị Việt-Bắc;

Căn cứ thông tư số 972-TTg ngày 19-7-1956 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển tiếp 8 tỉnh còn lại sau khi thành lập Khu Tự trị Việt-Bắc;

Theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay đặt tỉnh Hải-ninh dưới sự chỉ đạo trực tiếp về mọi mặt của Chính phủ trung ương.

Điều 2. — Các Bộ, các Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt-Bắc, Ủy ban Hành chính Khu Hồng-quảng và Ủy ban Hành chính tỉnh Hải-ninh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 8 tháng 4 năm 1957
K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHAN-KẾ-TOẠI

LIÊN BỘ

NỘI VỤ—LAO ĐỘNG—TÀI CHÍNH—GIÁO DỤC

NGHỊ ĐỊNH số 152-NĐ-LB ngày 20-3-1957 quy định thống nhất sinh hoạt phí hàng tháng cho cán bộ, nhân viên, công nhân được chọn cử đi học các trường chuyên nghiệp.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Chiếu nghị định số 650-TTg ngày 30 tháng 12 năm 1955 ban hành chính sách lương mới;

Chiếu nghị định liên bộ Nội vụ — Tài chính — Giáo dục số 45 ngày 4 tháng 2 năm 1953 ban hành chế độ cho cán bộ, nhân viên đi học các trường chuyên nghiệp;

Xét tình hình hiện tại,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay bãi bỏ chế độ hưởng lương và phụ cấp đối với cán bộ, nhân viên, công nhân được chọn cử đi học các trường chuyên nghiệp quy định trong nghị định liên bộ Nội vụ — Tài chính — Giáo dục số 45 ngày 4-2-1953 nói trên và các văn bản thể lệ quy định bổ sung.

Điều 2. — Các cán bộ, nhân viên, công nhân ở trong biên chế, *tại chức*, đã công tác ở các xí nghiệp, cơ quan từ cấp huyện, được 3 năm trở lên, nay được nơi đó *chọn cử* đi học các trường chuyên nghiệp do ngành mình hay ngành khác mở ra để đào tạo cán bộ, các trường bổ túc văn hóa để vào học các trường chuyên nghiệp được hưởng chế độ quy định thống nhất dưới đây trong thời gian học tập (kể cả những tháng nghỉ hè):